

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NHƠN TRẠCH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 29/6/2020

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Mỹ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoài Đức Huệ.

2. Bà Trần Thanh Phương.

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Vân Hoàng Yên, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch công khai xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 108/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 428/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

**- *Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1973

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

**- *Bị đơn:*** Ông Cao Văn P, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Các đương sự có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2020, bản tự khai ngày 08/4/2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Kim H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông P tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 1994, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22/7/1996. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bắt đầu trầm trọng là từ khoảng năm 2010. Nguyên nhân là do không cùng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng

gây gỗ, cãi vã nhau thường xuyên, ông P hay nhậu nhẹt và nhiều lần đánh đập vợ con. Vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không thể hàn gắn đoàn tụ được. Từ năm 2017, vợ chồng đã sống ly thân nhau, không bàn bạc đoàn tụ gì. Nay Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn ông P.

Về con chung: có 08 cháu:

1. Cháu Cao Thoại A, sinh năm 1994;
2. Cháu Cao Thanh D, sinh ngày 23/02/1996;
3. Cháu Cao Thị L, sinh năm 1998;
4. Cháu Cao Nhựt T, sinh ngày 22/3/2000;
5. Cháu Cao Thị Kim N, sinh ngày 05/3/2003;
6. Cháu Cao Nhựt S, sinh ngày 04/02/2004;
7. Cháu Cao Thị Bé H, sinh ngày 08/8/2006;
8. Cháu Cao Nhật Th, sinh ngày 14/10/2013.

Các cháu Thoại A, Thị L và Nhựt T đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất hay tâm thần, có công việc ổn định, tự nuôi sống và không có nhu cầu cấp dưỡng.

Cháu Thanh D và Nhựt S bị bệnh bẩm sinh từ nhỏ, do ông P đang nuôi dưỡng.

Các cháu còn lại do bà H đang nuôi dưỡng.

Nếu ly hôn bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu Kim N, Bé H và Nhật Th, ông P được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thanh D và Nhựt S, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/5/2020, bị đơn ông Cao Văn P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Quá trình tìm hiểu, xây dựng gia đình, chung sống và mâu thuẫn như bà H trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống, bà H đã bỏ về nhà mẹ ruột ở huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống hai lần, mỗi lần hơn 01 năm. Từ năm 2017, vợ chồng đã sống ly thân nhau, không bàn bạc đoàn tụ gì. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn bà H.

Về con chung: Như bà H trình bày là đúng. Nếu ly hôn, Ông đồng ý để bà H được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu Kim N, Bé H và Nhật Th, Ông được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thanh D và Nhựt S, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

*Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch về việc giải quyết vụ án:*

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng và thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật và đề nghị xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà H và công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà H và ông P.

Công nhận việc thỏa thuận nuôi con của các đương sự. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về kiến nghị, khắc phục: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngày 24/02/2020, bà H có đơn yêu cầu ly hôn đối với ông P. Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện ông Cao Văn P có đăng ký thường trú và đang sinh sống tại ấp T, xã V, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch được quy định tại Điều 28, 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ngày 19/6/2020, bà H có đơn đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt và ngày 20/5/2020, ông P có lời khai yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung để giải quyết: Quan hệ hôn nhân và gia đình của bà H, ông P được xác lập trước ngày Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực (ngày 01/01/2015) nên áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết theo quy định tại Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông P xây dựng gia đình với nhau vào năm 1994, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND huyện Cần Giò, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22/7/1996, do cả hai cùng tự nguyện nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Bà H yêu cầu ly hôn, ông P đồng ý thuận tình nhưng do ông M vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải và ghi nhận việc thuận tình ly hôn của các đương sự theo quy định. Xét, mâu thuẫn vợ chồng theo lời khai của đương sự bắt đầu trầm trọng là từ năm 2010, nguyên nhân là do không cùng quan điểm sống, dẫn đến gây gổ, cãi vã nhau thường xuyên, ông P hay nhậu nhẹt và nhiều lần đánh đập vợ con, sống ly thân nhiều lần và từ năm 2017 đến nay đã sống ly thân nhau, không gặp nhau để hòa giải đoàn tụ, bỏ mặc không còn quan tâm đến nhau. Như vậy, có cơ sở khẳng định tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, không thể tồn tại hôn nhân mà không có hạnh phúc và các đương sự thống nhất thuận tình ly hôn nên ghi nhận là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] *Về con chung*: Các đương sự thống nhất được người trực tiếp nuôi con như sau: Bà H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng các cháu Kim N, Bé H và Nhật Th, ông P được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thanh D và Nhật S, là phù hợp với nguyện vọng của các con và quy định tại Điều 92 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên ghi nhận.

[6] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho ai nên không xét.

[7] *Về tài sản chung*: Các đương sự khai không có, nên không xem xét.

[8] *Về nợ chung*: Các đương sự khai không có, nên không xem xét.

[9] *Về án phí*: Bà H chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình.

[10] *Về quan điểm, ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án* là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 266, 273, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 85, 90 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Kim H đối với Cao Văn P.

Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Kim H với ông Cao Văn P.

Về con chung: Công nhận việc thỏa thuận nuôi con như sau:

Bà H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Cao Thị Kim N, sinh ngày 05/3/2003, cháu Cao Thị Bé H, sinh ngày 08/8/2006 và cháu Cao Nhật Th, sinh ngày 14/10/2013.

Ông P được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Cao Thanh D, sinh ngày 23/02/1996 và cháu Cao Nhật S, sinh ngày 04/02/2004.

Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Sau khi ly hôn, bà H, ông P vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Bà H, ông P có quyền đến thăm con không ai được ngăn cản. Khi cần thiết các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000120 ngày 25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản sao bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008./.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND T.Đồng Nai;
- VKSND H.Nhơn Trạch;
- THADS H.Nhơn Trạch;
- UBND huyện Cần Giờ
- TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tấn Mỹ**